

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2018/DS-ST
Ngày 21-5-2018
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Bé.
2. Ông Hồ Xuân Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang:
Bà Nguyễn Thị Kim Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 317/2017/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D (tên thường gọi là T1) – sinh năm 1971;

Cư trú tại: thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Lâm Nguyễn Tuyết T2 (tên thường gọi là B) – sinh năm 1980;

Cư trú tại: thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện ủy quyền: Anh Nguyễn Hoàng A – sinh năm 1974;

Cư trú tại: Ấp L1, xã L2, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D và anh A có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Vào ngày 21/4/2017 âm lịch, chị có cho chị T2 vay số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng, thỏa thuận sau 03 tháng sẽ trả vốn, khi cho vay chị T2 có viết biên nhận cho chị. Đến ngày 20/6/2017 âm lịch chị có đến nhà chị T2 khai hui thì được nghe thông tin là hui bể nên chị có đòi chị T2 trả tiền lãi và tiền vốn nhưng chị T2 cho rằng chưa hết thời hạn vay và nói để chị T2 vay tiền chỗ khác để trả chị. Vài ngày sau chị đến gặp chị T2 để tiếp tục đòi tiền thì chị T2 nói không vay tiền được và chị T2 lánh mặt. Sau khi vay tiền chị T2 không trả lãi theo thỏa thuận. Hiện nay chị T2 vẫn còn nợ chị số tiền vốn là 20.000.000 đồng.

Nay chị khởi kiện yêu cầu chị T2 trả cho chị số tiền 20.000.000 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

* Tại biên bản hòa giải ngày 27/02/2017 bị đơn chị Lâm Nguyễn Tuyết T2 trình bày: Chị có vay của chị D tên thường gọi là Thu số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng trả lãi hàng tháng, thời hạn vay 03 tháng và chị có viết biên nhận nợ cho chị D. Sau khi vay chị có đóng lãi cho chị T2 được 01 tháng với số tiền là 2.000.000 đồng nhưng hai bên không có làm biên nhận và không có người chứng kiến. Hiện nay chị vẫn còn nợ chị D số tiền vay là 20.000.000 đồng.

Nay chị đồng ý trả cho chị T2 số tiền 20.000.000 đồng nhưng trả 01 lần chị không khả năng, chị xin được trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi trả xong nợ.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị D vẫn giữ yêu cầu đòi chị T2 trả số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng, yêu cầu trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật và không yêu cầu tính lãi.

Anh A là đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày: Chị T2 thừa nhận chị T2 có vay và nợ của chị D số tiền 20.000.000 đồng, chị T2 đồng ý trả số tiền trên cho chị D, nhưng trả 01 lần không khả năng vì hiện nay chị T2 đang gặp khó khăn về kinh tế, số tiền chị T2 nợ của chị D là do chị T2 cho những người khác vay, hiện chị T2 đang kiện để thu hồi nợ, khi nào chị T2 thu hồi được nợ sẽ trả số tiền trên cho chị D.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát phân tích chị T2 có vay của chị D số tiền 20.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận nợ, phía bị đơn chị T2 thừa nhận còn nợ chị D số tiền trên nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D đòi chị T2 trả số tiền vay là 20.000.000 đồng. Đối với lãi suất, chị D và chị T2 không yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về thời gian trả, chị T2 đã vi phạm thời gian trả nợ, đồng thời tại phiên tòa đại diện ủy quyền của chị T2 trình bày khi nào chị T2 thu hồi được các khoản nợ người khác nợ chị T2 thì chị T2 sẽ trả tiền nhưng phía chị D không đồng ý. Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D đòi chị T2 trả số tiền trên làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện đòi chị Lâm Nguyễn Tuyết T2 trả số tiền vay 20.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị D đòi chị T2 trả số tiền vay 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị D là có cơ sở bởi lẽ bị đơn chị T2 thừa nhận vào ngày 21/4/2017 chị có vay của chị D số tiền 20.000.000 đồng, chị có viết biên nhận nợ cho chị D và chị thừa nhận hiện nay chị vẫn chưa trả tiền vốn và vẫn còn nợ chị D số tiền 20.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa chị D và chị T2 thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 21/4/2017 âm lịch nhưng cho đến nay chị T2 vẫn chưa trả tiền vốn cho chị D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D đòi chị T2 trả số tiền vay 20.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu tính lãi: Chị D và chị T2 thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, nguyên đơn chị D không yêu cầu chị T2 trả lãi, đồng thời chị T2 trình bày chị có trả lãi cho chị D được 01 tháng với số tiền 2.000.000 đồng nhưng không có làm biên nhận và không có người chứng kiến và bị đơn chị T2 không yêu cầu xem xét tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về thời gian trả: Chị D yêu cầu chị T2 trả số tiền 20.000.000 đồng, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Tại phiên tòa, đại diện ủy quyền của chị T2 trình bày số tiền chị T2 nợ của chị D là do chị T2 cho những người khác vay, hiện chị T2 đang khởi kiện để thu hồi nợ, khi nào chị T2 thu hồi được nợ sẽ trả số tiền trên cho chị D nhưng chị D không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị T2 không trả tiền cho chị D sau khi hết thời hạn vay đã gây ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của chị D, đồng thời nghĩa vụ trả tiền của những người khác đối với chị T2 không liên quan đến nghĩa vụ trả tiền của chị T2 đối với chị D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D đòi chị T2 trả số tiền trên ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D đòi chị T2 trả số tiền 20.000.000 đồng làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy

những phân tích và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về án phí: Bị đơn chị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc D đối với chị Lâm Nguyễn Tuyết T2.

Buộc chị Lâm Nguyễn Tuyết T2 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền vay là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), thực hiện trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị T2 chậm trả số tiền nêu trên thì chị T2 phải trả tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Án phí: Chị Lâm Nguyễn Tuyết T2 phải chịu 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 39127 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

3/ Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Lưu HS, án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh